ỂT MINH CẤP ĐIỆN

uồn điện:

1 ấy từ 1 ở 373 trạm 110 KVA Núi Mỏi đường điện trung thế 35KV đi qua ực đô thị.

+ Kế thừa phát huy các công trình đã đầu tư và đang hoạt động tốt, đi ic trạm điện, tuyến điện từ 0,4kV – 35kV trong đô thị tại các vị trí không i lợi cho đầu tư xây dựng, mất mỹ quan đô thị, không an toàn trong cấp ả hiệu quả trong khai thác và vận hành.

nh toán nhu cầu dùng điện :

+ Quy mô dân số đến năm 2025 là gần bằng 19.000 dân.

+ Tiêu chuẩn cấp điện : 330KWh/người.

+ Cấp điện cho công nghiệp : diện tích đất công nghiệp dự kiến ng 20,0ha. Tiêu chuẩn cấp điện là : 140KWh/ha đối với quy công nghiệp tiêu thu công nghiệp.

r	HẠNG MỤC	SỐ LƯỢNG	CHỈ TIÊU CẤP ĐIỆN	CÔNG SUẤT ĐẶT
	Điện sinh hoạt	19.000 dân	330 W/ng	6,270
	Điện cho công cộng, DV 30% SH		30%SH	1,881
	Điện cho công nghiệp - TTCN	20,00 ha	140KW/ha	2,800,0
	Tổng công suất đặt			11,074,2
	Hệ số đồng thời		0,8	8,859,36
	Dự phòng công suất		10%	885,936
	Công suất tính toán			9,745,296
	Công suất biểu kiến (KVA)		Cos φ=0,9	10,828

Tổng nhu cầu cấp điện của đô thị là: **P = 10.900 (KVA).**

ối tượng dùng nước :

Nước cấp cho sinh hoạt dân cư đô thị, ngoài ra còn cấp cho khu tiểu ông nghiệp, cơ quan công sở, tưới cây rửa đường, chữa cháy ...

* Tính toán nhu cầu dùng nước :

+ Dân số tính toán : 19.000 dân.

+ Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt : 120(lng.ngđ).

+ Tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp : a=20m³/ha-ngđ.

NHU CẦU SỬ DỤNG NƯỚC	TIÊU CHUẨN	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG (m3/ng.đ)
NƯỚC SINH HOẠT	120	l/n/ng.đ	2280
TỔNG DÂN SỐ	19000	Người	
TỶ LỆ DÂN SỐ ĐƯỢC CẤP NƯỚC	100	%	
NƯỚC CÔNG CỘNG	10	%	228
CẤP NƯỚC KHU THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, HỖN HỢP	30	%	684
CẤP NƯỚC CHO CÔNG NGHIỆP (DIỆN TÍCH)	22	m3/ha	456,36
	20,88	ha	
NƯỚC TƯỚI CÂY, RỬA ĐƯỜNG, CHỮA CHÁY, CÔNG	15	%	342
			3993,36
NƯỚC DỰ PHÒNG, RÒ RỈ	15	%	599,004
CÔNG (I + II)			4592,364
NHU CẦU CẤP NƯỚC CHO ĐÔ THỊ			4592,364

Tổng nhu cầu dùng nước của đô thị là : Q_{TK} = **4.600 m³/ngđ.**

Xác định nguồn nước và nhà máy cấp nước:

Nguồn nước cấp cho đô thị được xác định là nguồn nước kênh Nam ng sông Lạch. Việc nâng cấp nhà máy nước thị trấn Triệu Sơn g suất giai đoạn đến năm 2020: 12.000 m³/ngđ, đến năm 2030 là 18.000 ngđ.

Mạng lưới đường ống cấp nước:

+ Các tuyến ống cấp I, II dùng ống nhựa uPVC, HDPE kết hợp ống tráng kẽm, các tuyến ống tiêu thụ dùng ống thép tráng kẽm hoặc ống HDPE. Trên cơ sở mạng lưới đường ống đã có phát triển mở rộng ảo ống nhu cầu sử dụng của các đối tượng dùng nước.

+ Độ sâu chôn ống tối thiểu 0,7m, đường ống được chôn trong hành kỹ thuật của các tuyến đường trong đô thị.

+ Hệng cứu hỏa được bố trí trên đường ống ≥ Ø100 mm và vị trí đặt ở ngã ba, ngã tư thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy.

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CẤP NƯỚC

STT	CẤU KIỆN	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	ỐNG CẤP NƯỚC D200	M	5441
2	ỐNG CẤP NƯỚC D150	M	890
3	ỐNG CẤP NƯỚC D100	M	12103
4	TRỤ CỨU HỎA	CÁI	47
5	HỐ VAN	CÁI	36

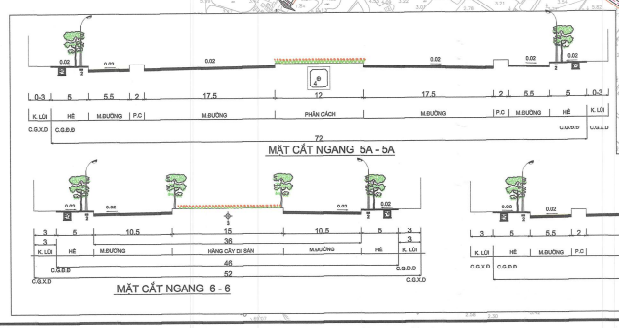

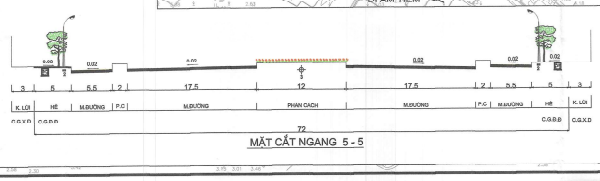

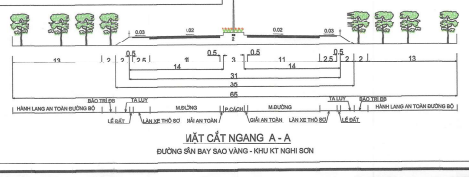

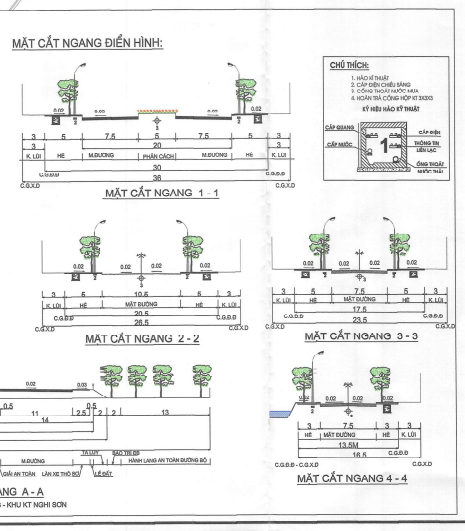

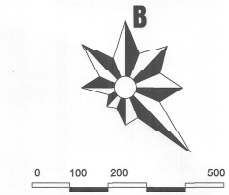

KÝ HIỆU:

- TRẠM BIẾN ÁP HIỆN CÓ
- TRẠM BIẾN ÁP DỰ KIẾN XÂY MỚI
- ĐƯỜNG DÂY 35KV QUY HOẠCH
- ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC CẤP I
- ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC CẤP II, II
- TRỤ CỨU HỎA
- HỐ VAN

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN NINH
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1119/QĐ-UBND, NGÀY 14 THÁNG 11 NĂM 2025

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH QUY HOẠCH XÃ TÂN NINH
KÈM THEO VĂN BẢN SỐ 02/BCTĐ-HĐTĐ NGÀY 12 THÁNG 11 NĂM 2025

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT VÀ TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
PHÒNG KINH TẾ XÃ TÂN NINH
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 590/TTR-KT NGÀY 12 THÁNG 11 NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ NỰA, HUYỆN T
(NAY LÀ XÃ TÂN NINH), TỈNH THANH HÓA

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CẤP ĐIỆN - CẤP NƯỚ

BẢN VẼ: 06	GHÉP: A0	TỶ LỆ:
THIẾT KẾ	LÊ VŨ NGHĨ	
CHỦ TRÌ		
CHỦ NHIỆM	THS.KTS. NGUYỄN VĂN THẮNG	
Q.L. KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN ĐỨC TÙNG	
GIÁM ĐỐC	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG DELI
ĐỊA CHỈ: SỐ 139, ĐƯỜNG HR18, PHỐ HOÀNG LỘC, XÃ HOẰNG HÓA, T
TEL: (0373) 717 555 FAX: (0373) 543 555 EMAIL: CTCDDELTA@G